

Số: 75 /2021/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 215/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân thành phố về việc đề nghị thông qua Nghị quyết quy định về chính
sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn thành phố;
Báo cáo thẩm tra số 45/BC-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ban Văn
hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại
biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Quy định về đối tượng áp dụng chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ
cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn thành phố**

1. Hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (là hộ nghèo còn sức lao động,
có người phụ thuộc trong tổng số nhân khẩu lớn hơn 50%, có ít nhất 01 người
không có việc làm và có người ốm đau, bị bệnh hiểm nghèo).

2. Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn thành phố.

3. Hộ thoát nghèo trong vòng 02 năm kể từ thời điểm thoát nghèo theo
chuẩn thành phố.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ

1. Chính sách hỗ trợ về giáo dục

a) Hỗ trợ 100% học phí đối với trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông,
học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ

thông có cha mẹ hoặc người giám hộ theo quy định của pháp luật trực tiếp nuôi dưỡng thuộc hộ nghèo theo chuẩn thành phố và tiếp tục hỗ trợ thêm 02 năm kể từ thời điểm thoát nghèo theo chuẩn thành phố (kể cả người thuộc hộ thoát nghèo theo chuẩn thành phố nhưng rơi vào hộ cận nghèo).

b) Hỗ trợ 90% học phí đối với trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha mẹ hoặc người giám hộ theo quy định của pháp luật trực tiếp nuôi dưỡng thuộc hộ cận nghèo theo chuẩn thành phố.

c) Hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha mẹ hoặc người giám hộ theo quy định của pháp luật trực tiếp nuôi dưỡng thuộc hộ nghèo theo chuẩn của thành phố với mức hỗ trợ 150.000 đồng/học sinh/tháng. Thời gian hỗ trợ theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/01 năm học.

2. Chính sách hỗ trợ về bảo hiểm y tế

a) Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ nghèo theo chuẩn thành phố, với mã đối tượng HN2.

b) Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ thoát nghèo theo chuẩn thành phố trong vòng 2 năm kể từ thời điểm thoát nghèo (kể cả người thuộc hộ thoát nghèo theo chuẩn thành phố nhưng rơi vào hộ cận nghèo), với mã đối tượng gia đình GD4.

c) Hỗ trợ 90% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ cận nghèo theo chuẩn thành phố, với mã đối tượng gia đình GD4.

3. Chính sách hỗ trợ cải thiện nhà ở

a) Hỗ trợ xây mới nhà ở cho hộ nghèo với mức 20.000.000 đồng/nhà từ nguồn ngân sách thành phố.

b) Hỗ trợ sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo trên địa bàn các quận với mức tối đa 8.000.000 đồng/nhà từ nguồn ngân sách thành phố.

c) Hỗ trợ sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo trên địa bàn huyện Hòa Vang với mức tối đa 8.000.000 đồng/nhà (trong đó, nguồn ngân sách thành phố hỗ trợ tối đa 50% và nguồn ngân sách huyện hỗ trợ tối đa 50%).

d) Hỗ trợ giảm 60% tiền thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn thành phố.

4. Chính sách hỗ trợ tiền điện: Hỗ trợ tiền điện theo mức quy định của Trung ương cho hộ nghèo theo chuẩn của thành phố.

5. Chính sách hỗ trợ tín dụng

a) Hỗ trợ cho hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn còn sức lao động có nhu cầu được vay vốn tín dụng chính sách xã hội theo quy định với mức hỗ trợ lãi suất ưu đãi 0% trong hạn mức vay tối đa 30.000.000 đồng/hộ, thời gian hỗ trợ tối đa 36 tháng kể từ ngày nhận tiền vay. Ngoài hạn mức vay tối đa và hết thời gian được hỗ trợ tiền lãi, hộ vay có nghĩa vụ trả tiền lãi hàng tháng theo quy định.

b) Hỗ trợ 4.000.000 đồng/hộ cho hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hoàn trả vốn vay đúng hạn và thoát nghèo theo chuẩn thành phố.

6. Chính sách hỗ trợ hàng tháng

a) Trợ cấp hàng tháng với mức 300.000 đồng/người/tháng đối với người đang hưởng các chính sách bảo trợ xã hội hiện hành, mức 500.000 đồng/người/tháng đối với người già yếu, người khuyết tật, trẻ mồ côi bị ốm đau thường xuyên chưa đủ điều kiện hưởng chính sách bảo trợ xã hội hàng tháng thuộc hộ nghèo theo chuẩn thành phố có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hộ nghèo không còn sức lao động và tiếp tục trợ cấp thêm 02 năm kể từ thời điểm thoát nghèo.

b) Trợ cấp hàng tháng với mức 500.000 đồng/người/tháng đối với người thuộc hộ nghèo theo chuẩn thành phố mắc bệnh ung thư, suy thận mãn chạy thận nhân tạo có giấy chứng nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền và tiếp tục trợ cấp thêm 02 năm kể từ thời điểm thoát nghèo.

c) Trợ cấp hàng tháng với mức 400.000 đồng/người/tháng cho người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn thành phố mà không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng hoặc trợ cấp xã hội hàng tháng.

Điều 3. Quy trình, thủ tục thực hiện

1. Thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục đối với hộ thoát nghèo theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 2 của Nghị quyết này.

a) Hồ sơ đề nghị

- Đơn đề nghị miễn học phí đối với cơ sở giáo dục công lập (có hướng dẫn mẫu đơn) hoặc đơn đề nghị chi trả tiền miễn học phí, hỗ trợ tiền đóng học phí có xác nhận của cơ sở giáo dục đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập.

- Giấy xác nhận hộ thoát nghèo trong vòng 02 năm kể từ thời điểm thoát nghèo theo chuẩn thành phố được Ủy ban nhân dân phường, xã xác nhận theo quy định.

b) Trình tự và thời gian thực hiện

Trong vòng 45 ngày kể từ ngày khai giảng năm học, cha mẹ (hoặc người giám hộ) gửi hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, qua bưu điện hoặc hệ thống giao dịch.

- Đối với cơ sở giáo dục công lập:

+ Trẻ em học mầm non, mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông gửi hồ sơ về nhà trường;

+ Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị miễn học phí thì Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và lập danh sách trẻ em, học sinh thuộc cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, cơ sở giáo dục thường xuyên gửi phòng giáo dục và đào tạo và danh sách học sinh trường trung học phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để thẩm định, tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp bố trí dự toán kinh phí thực hiện.

- Đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập:

+ Trẻ em học mầm non, học sinh tiểu học, trung học cơ sở, cơ sở giáo dục thường xuyên ngoài công lập gửi hồ sơ về phòng giáo dục và đào tạo. Học sinh trung học phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên gửi hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo;

+ Phòng giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí cấp bù học phí trực tiếp bằng tiền mặt (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả) cho cha mẹ (hoặc người giám hộ);

+ Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí cấp bù học phí trực tiếp bằng tiền mặt (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả) cho cha mẹ (hoặc người giám hộ).

Thời gian chi trả tiền cấp bù miễn, giảm học phí, hỗ trợ đóng học phí: Thực hiện 02 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học và kinh phí được cấp theo thời gian học thực tế nhưng không quá 09 tháng/01 năm học.

2. Thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ về Bảo hiểm y tế (viết tắt là BHYT) cho đối tượng theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 2 Nghị quyết này.

a) Hồ sơ đề nghị

- Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân phường, xã;
- Quyết định của Ủy ban nhân dân phường, xã phê duyệt Danh sách mua thẻ BHYT;
- Danh sách đối tượng tham gia BHYT do Ủy ban nhân dân phường, xã lập.

b) Trình tự và thời gian thực hiện

- Trước ngày 15/12 hàng năm, Ủy ban nhân dân phường, xã lập danh sách thành viên tham gia BHYT cho người thuộc hộ thoát nghèo trong vòng 02 năm kể từ thời điểm thoát nghèo kèm quyết định phê duyệt danh sách mua thẻ BHYT gửi cơ quan bảo hiểm xã hội, phòng lao động - thương binh và xã hội quận, huyện;

- Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan Bảo hiểm xã hội quận, huyện chuyển thẻ BHYT cho Ủy ban nhân dân phường, xã để cấp cho đối tượng trước ngày 01/01 hàng năm;

- Định kỳ hàng quý và trước ngày 15/12 hàng năm, phòng tài chính - kế hoạch phối hợp với phòng lao động - thương binh và xã hội quận, huyện tổ chức thanh toán kinh phí hỗ trợ mua BHYT.

3. Thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ hàng tháng cho đối tượng theo quy định tại khoản 6, Điều 2 của Nghị quyết này.

a) Hồ sơ đề nghị

- Đơn đề nghị của đối tượng;
- Danh sách đối tượng thuộc diện hỗ trợ theo quy định do Ủy ban nhân dân phường, xã lập;
- Bản sao chứng thực, giấy tờ chứng minh có liên quan;
- Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân phường, xã.

b) Trình tự thực hiện

- Ủy ban nhân dân phường, xã rà soát, lập danh sách người đủ điều kiện hưởng chính sách theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Nghị quyết này, có văn bản đề nghị gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện;

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện ban hành quyết định hỗ trợ cho từng đối tượng;

- Thời điểm chi trả: Từ ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

Ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn thành phố quy định tại Điều 1 và quy trình, thủ tục thực hiện hỗ trợ cho đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tại khoản 1 và khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 244/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2021./. *lv*

Nơi nhận:

- UBND TP, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Bộ: LĐTB&XH, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố; Đại biểu HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Quận, huyện ủy; UBND, UBMTTQVN các quận, huyện; HĐND huyện Hòa Vang;
- Đảng ủy, UBND các phường, xã; HĐND các xã;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, Trung tâm TTVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH**Lương Nguyễn Minh Triết**

bichntn-05/01/2022 14:34:20-bichntn-bichntn-bichntn